

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 04/2000/TT-NHNN3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2000

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 91/1999/NĐ-CP ngày 04/9/1999 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngân hàng

Ngày 04/09/1999, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 91/1999/NĐ-CP, về tổ chức và hoạt động của Thanh tra ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện như sau:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thanh tra ngân hàng là Thanh tra Nhà nước chuyên ngành về ngân hàng, được tổ chức thành hệ thống thuộc bộ máy của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) và có con dấu riêng.

2. Đối tượng của Thanh tra ngân hàng bao gồm:

2.1. Tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng:

- Các tổ chức tín dụng nhà nước (bao gồm: Ngân hàng thương mại, Ngân hàng phát triển, Ngân hàng Đầu tư, Ngân hàng chính sách và tổ chức tín dụng phi ngân hàng);
- Các tổ chức tín dụng cổ phần của nhà nước và nhân dân (gồm: Ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng phi ngân hàng);
- Các tổ chức tín dụng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam (gồm: tổ chức tín dụng liên doanh; tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh của ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, văn phòng đại diện của Tổ chức tín dụng nước ngoài đặt tại Việt Nam);
- Các tổ chức tín dụng hợp tác;

2.2. Hoạt động ngân hàng của các tổ chức không phải là tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép.

2.3. Các cơ quan Nhà nước, các tổ chức kinh tế xã hội và cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiền tệ, tín dụng và hoạt động ngân hàng.

3. Nội dung hoạt động của Thanh tra ngân hàng:

3.1. Thực hiện giám sát thường xuyên việc thực hiện các quy chế an toàn trong hoạt động của các tổ chức tín dụng bằng phương pháp giám sát từ xa theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

3.2. Tiến hành các cuộc thanh tra, kiểm tra, phúc tra trong việc chấp hành pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng, việc thực hiện các quy định trong giấy phép hoạt động ngân hàng đối với các đối tượng quy định tại điểm 2 của Thông tư này và theo quy định của pháp luật về thanh tra.

3.3. Thẩm tra, xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo liên quan đến tổ chức và hoạt động ngân hàng; tham mưu, giúp Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng trong ngành ngân hàng.

3.4. Phát hiện ngăn chặn và xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền; kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

3.5. Kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác thực hiện các biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

4. Nguyên tắc hoạt động của Thanh tra ngân hàng:

4.1. Hoạt động thanh tra, giám sát và giải quyết khiếu nại, tố cáo của Thanh tra ngân hàng phải đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật về thanh tra, Luật Ngân hàng Nhà nước, Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật khác có liên quan; bảo đảm chính xác, khách quan, công khai dân chủ và kịp thời.

4.2. Không một cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào hoạt động của thanh tra ngân hàng.

CHƯƠNG II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

MỤC I

QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA THANH TRA

NGÂN HÀNG KHI TIẾN HÀNH THANH TRA

5. Khi tiến hành thanh tra, Thanh tra ngân hàng có những quyền hạn sau:

5.1. Yêu cầu đối tượng thanh tra và các bên có liên quan cung cấp tài liệu, chứng cứ và trả lời những vấn đề liên quan đến nội dung thanh tra;

5.2. Lập biên bản thanh tra, kết luận thanh tra và kiến nghị những biện pháp giải quyết;

5.3. Áp dụng biện pháp ngăn chặn và xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

5.4. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật về thanh tra.

6. Khi tiến hành thanh tra, Thanh tra ngân hàng có trách nhiệm như sau:

6.1. Xuất trình quyết định thanh tra (đối với Trưởng đoàn thanh tra) và thẻ Thanh tra viên;

6.2. Thực hiện đúng trình tự, thủ tục thanh tra theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, của Tổng Thanh tra Nhà nước và các văn bản pháp luật về thanh tra, không gây phiền hà, sách nhiễu làm cản trở hoạt động ngân hàng bình thường và gây thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của đối tượng thanh tra.

6.3. Báo cáo người ra quyết định thanh tra về kết quả thanh tra và kiến nghị biện pháp giải quyết;

6.4. Tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước người ra Quyết định thanh tra và trước pháp luật về kết luận thanh tra và mọi hành vi, quyết định của mình.

MỤC II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CHÁNH THANH TRA NGÂN HÀNG

NHÀ NƯỚC, CHÁNH THANH TRA CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước:

7.1. Quyết định kế hoạch, nội dung và các biện pháp thanh tra theo chương trình thanh tra đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt;

- 7.2. Quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra xét giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước;
- 7.3. Định kỳ báo cáo kết quả hoạt động thanh tra với Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và Tổng Thanh tra Nhà nước theo quy định của pháp luật về thanh tra;
- 7.4. Quyết định lập đoàn thanh tra hoặc cử Thanh tra viên đi thanh tra các đối tượng thanh tra;
- 7.5. Được quyền trưng tập cán bộ thanh tra của chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố để thực hiện nhiệm vụ thanh tra khi cần thiết;
- 7.6. Được yêu cầu các tổ chức tín dụng tiến hành tự kiểm tra và báo cáo kết quả về Thanh tra Ngân hàng Nhà nước;
- 7.7. Yêu cầu tạm ngừng thi hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ những quy định của các tổ chức tín dụng và các tổ chức khác có hoạt động ngân hàng nếu các quy định đó trái với Luật Ngân hàng Nhà nước, Luật Các tổ chức tín dụng và Pháp lệnh về thanh tra; đồng thời báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
- 7.8. Tạm đình chỉ việc thi hành quyết định kỷ luật, chuyển công tác của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý nhà nước trực tiếp của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đối với người đang cộng tác với tổ chức Thanh tra ngân hàng hoặc đang là đối tượng bị thanh tra, nếu xét thấy việc thi hành quyết định đó gây trở ngại cho việc tiến hành thanh tra; thời hạn tạm đình chỉ chậm nhất đến thời điểm công bố quyết định xử lý của người ra quyết định thanh tra. Sau 5 ngày làm việc, kể từ ngày tạm đình chỉ phải báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Nếu quyết định nói trên là của thủ trưởng cơ quan, đơn vị không do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quản lý trực tiếp thì kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định, đồng thời báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
- 7.9. Cảnh cáo, tạm đình chỉ công tác đối với người của cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cố ý cản trở việc thanh tra hoặc không thực hiện yêu cầu, kiến nghị, quyết định của Thanh tra ngân hàng. Thời hạn tạm đình chỉ chậm nhất đến thời điểm công bố quyết định xử lý của người ra quyết định thanh tra. Sau 5 ngày làm việc, kể từ ngày tạm đình chỉ phải báo cáo

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; nếu người đó là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quản lý trực tiếp hoặc là người không thuộc quyền quản lý của Thống đốc Ngân hàng nhà nước, thì kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định, đồng thời báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

7.10. Tạm đình chỉ công tác đối với người thuộc tổ chức tín dụng và tổ chức khác có hoạt động ngân hàng, nếu có căn cứ người đó đã vi phạm pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Thời hạn tạm đình chỉ chậm nhất đến thời điểm công bố quyết định xử lý của người ra quyết định thanh tra. Sau 5 ngày làm việc, kể từ ngày tạm đình chỉ phải báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

7.11. Tạm đình chỉ những hoạt động ngân hàng sai trái của tổ chức tín dụng và của tổ chức khác có hoạt động ngân hàng, nếu có căn cứ những hoạt động đó đã vi phạm pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng; đồng thời báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

7.12. Xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền và kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật.

7.13. Thực hiện các quyền khác quy định tại Điều 9, Điều 14, Pháp lệnh thanh tra có liên quan đến đối tượng thanh tra và các đơn vị, cá nhân liên quan trong phạm vi quản lý Nhà nước của Ngân hàng Nhà nước.

7.14. Quản lý cán bộ, công chức thanh tra thuộc quyền; phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện quy chế thi tuyển để bổ nhiệm cấp bậc Thanh tra viên theo quy định của Nhà nước.

7.15. Phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan (trong và ngoài ngành) tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra cho cán bộ, công chức thuộc hệ thống Thanh tra ngân hàng;

7.16. Ký thừa lệnh Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trên các văn bản thuộc thẩm quyền của Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật;

7.17. Thực hiện các công việc khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao;

8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chánh thanh tra chi nhánh Ngân hàng Nhà nước;